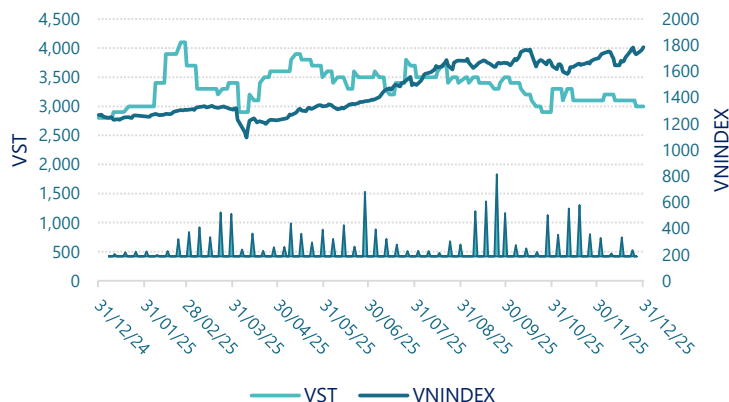




CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (UPCOM: VST)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	3,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,800
SL cổ phiếu LH	68,999,337
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,925
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	207
P/E	0.8
EPS	3,585

DT thuần

Q4/25

151

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 18.0 | 13.2%

YoY: ▲ 21.0 | 15.8%

LN sau thuế

Q4/25

-49.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 296 | -120%

YoY: ▼ 82.5 | -248%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

52.6%

+/- YoY: ▲ 1.0%

DT thuần

2025

525

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 29.0 | 5.9%

LN sau thuế

2025

247

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 29.0 | 13.5%

ROE

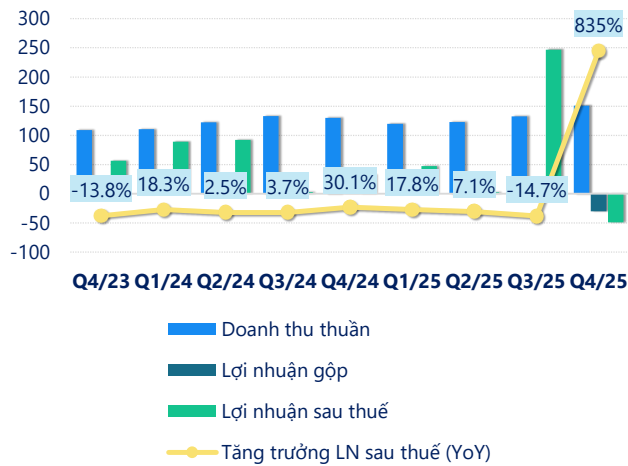
2025

-45.3%

+/- YoY: ▼ 17.6%

tỷ VNĐ

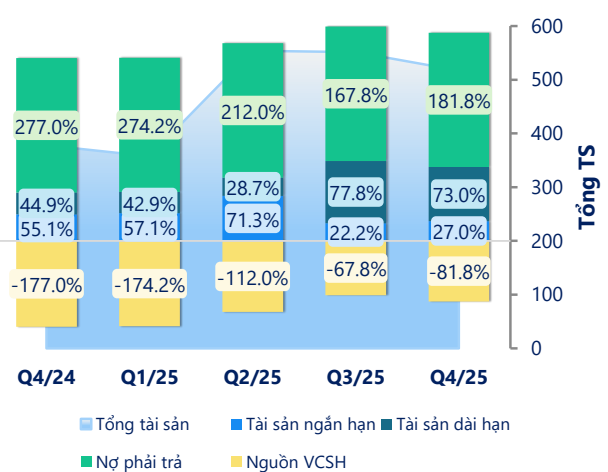
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

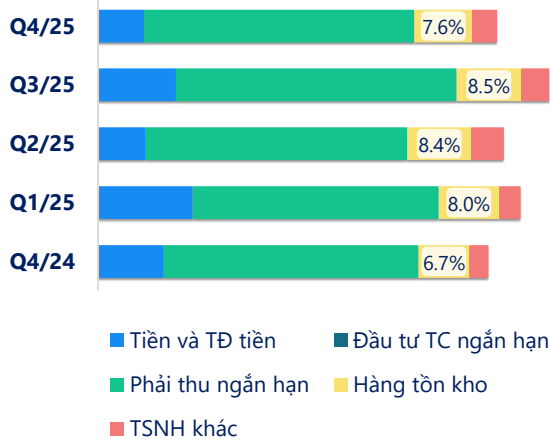
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



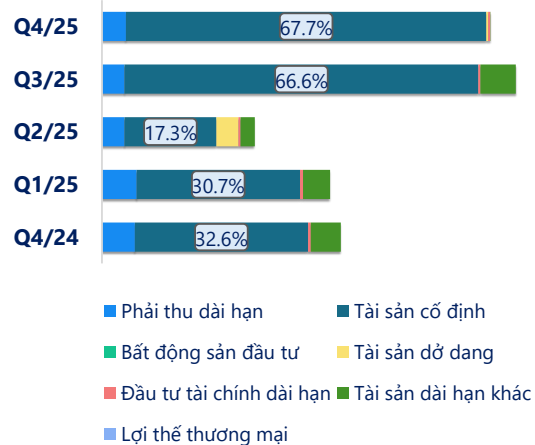
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

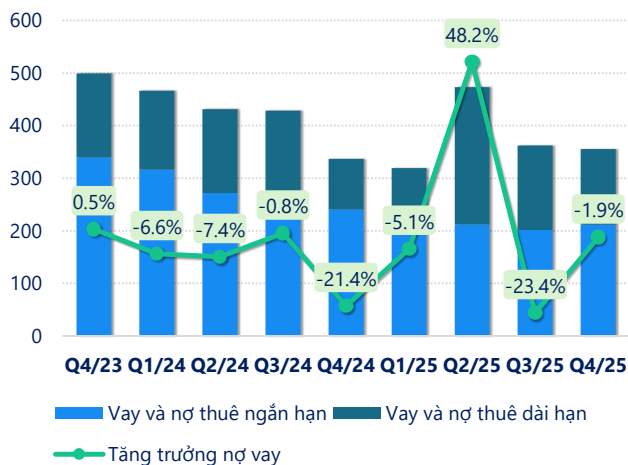
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

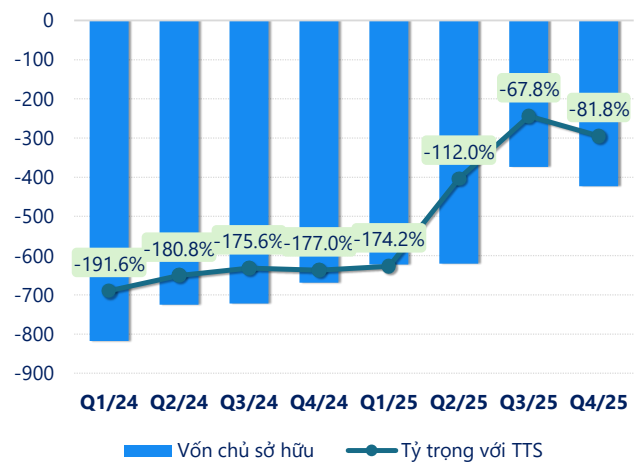
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

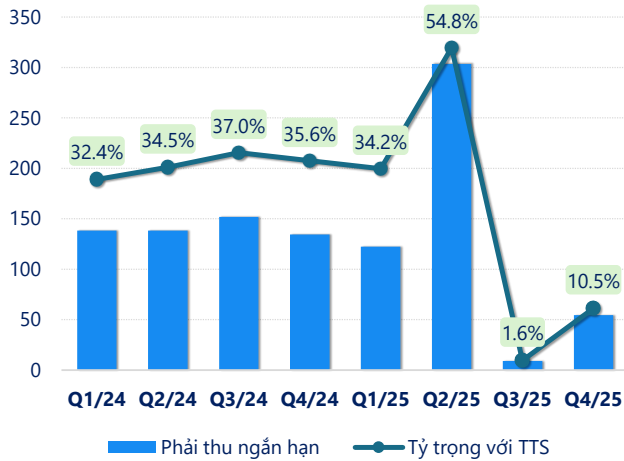
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



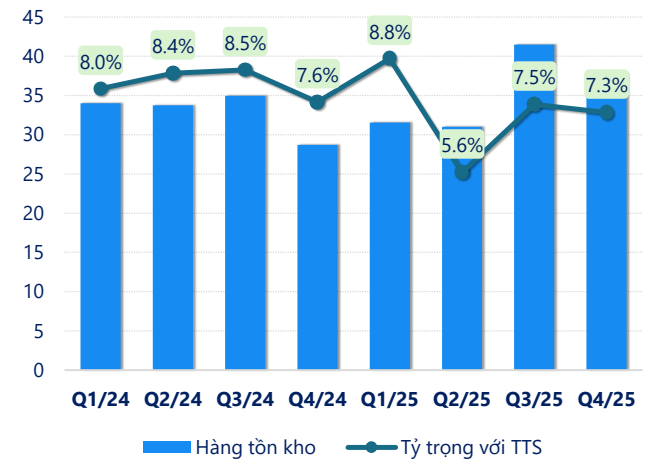
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


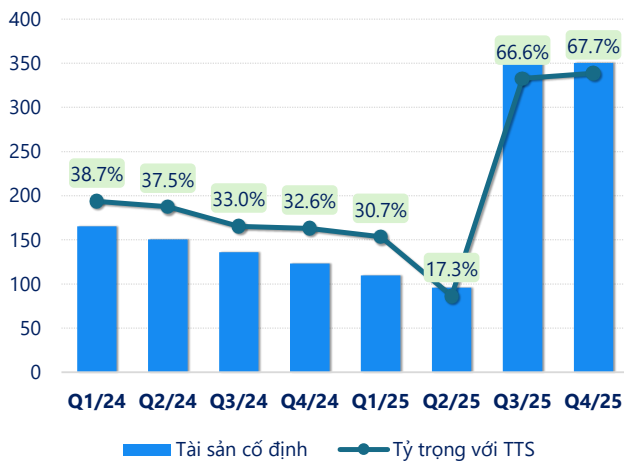
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


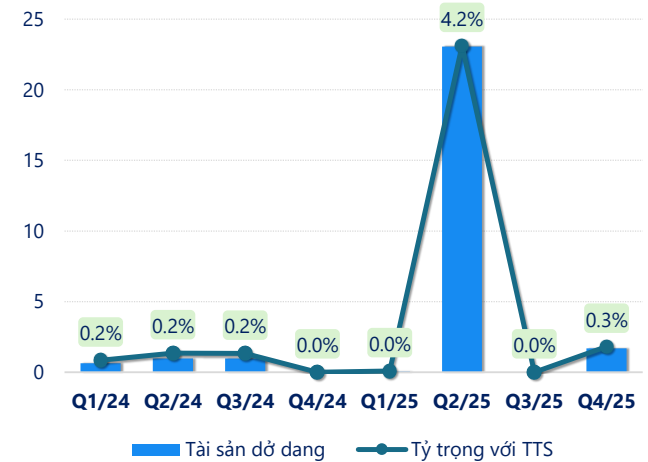
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

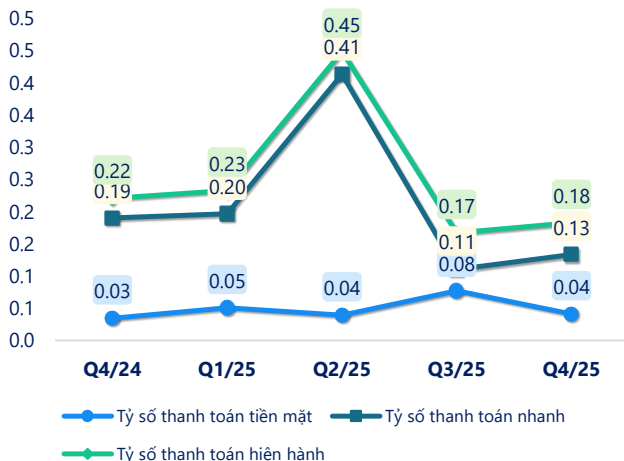
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

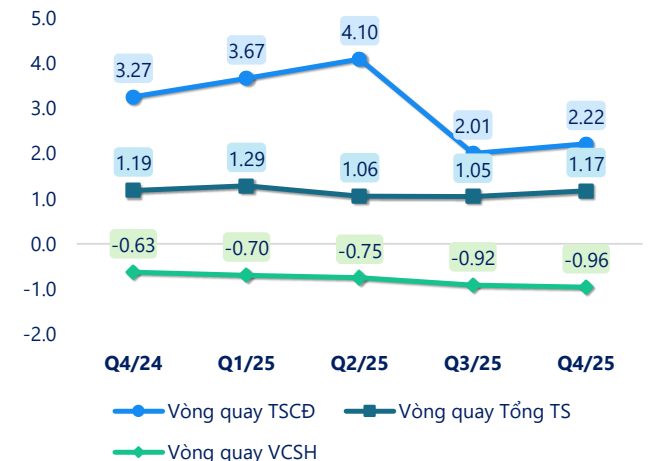
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	378	358	554	551	517
Tài sản ngắn hạn	208	204	395	122	139
Tiền và tương đương tiền	32.6	44.4	34.6	56.4	31.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	11.0	0	0
Phải thu ngắn hạn	135	122	304	9.03	54.5
Hàng tồn kho	28.7	31.5	31.0	41.5	37.8
Tài sản ngắn hạn khác	12.4	5.70	14.6	15.2	15.9
Tài sản dài hạn	170	153	159	429	378
Phải thu dài hạn	23.3	23.3	23.4	23.3	23.4
Tài sản cố định	123	110	95.8	367	350
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0.06	23.1	0	1.69
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00
Tài sản dài hạn khác	21.3	18.3	15.0	36.9	0.26
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,047	980	1,175	925	941
Nợ ngắn hạn	943	876	880	731	763
Vay và nợ thuê ngắn hạn	241	223	212	201	211
Phải trả người bán ngắn hạn	16.9	10.6	20.6	22.7	18.3
Nợ dài hạn	104	104	295	195	178
Vay và nợ thuê dài hạn	96.0	96.0	261	161	144
Nguồn vốn chủ sở hữu	-669	-623	-621	-374	-423
Vốn chủ sở hữu	-669	-623	-621	-374	-423
Vốn điều lệ	690	690	690	690	690
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)